

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2025

THƯ NGỎ

Tổ chức khóa học Nhập môn lập trình cho học sinh Trung học phổ thông năm 2025

Thân gửi: Học sinh các Trường Trung học phổ thông

Trường Đại học Công nghệ Thông tin (viết tắt là Trường) tổ chức khóa học Nhập môn lập trình (mã môn học IT001 trong chương trình đào tạo đại học chính quy) cho học sinh Trung học Phổ thông (THPT), với mục đích:

- Tạo sân chơi bổ ích cho những học sinh yêu thích môn Lập trình máy tính.
- Là một hoạt động phục vụ cộng đồng của Trường.
- Góp phần định hướng nghề nghiệp cho học sinh THPT.

I. THỜI GIAN, HÌNH THỨC GIẢNG DẠY, ĐỐI TƯỢNG HỌC SINH

1. Thời gian học

Từ đầu tháng 7 đến giữa tháng 8/2025.

2. Hình thức giảng dạy

Học sinh học trực tuyến theo dạng MOOC (Massive Open Online Courses): học với video bài giảng, có hướng dẫn, giải đáp thắc mắc cho học sinh theo lịch của Trường.

3. Hình thức thi

– Thi tập trung trên máy tính tại Trường Đại học Công nghệ Thông tin. Địa chỉ: Khu phố 6, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

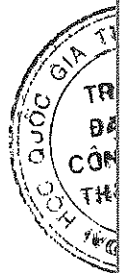
– Thời gian thi: Cuối tháng 8/2025.

4. Đối tượng học sinh

Học sinh đang học lớp 11, 12 năm học 2024-2025 tại các trường THPT theo danh sách đính kèm.

5. Thời hạn đăng ký học

Từ ngày 15/5/2025 đến hết ngày 27/6/2025.



6. Quy trình đăng ký

- Đăng ký trực tuyến tại <https://link.uit.edu.vn/NMLT>.
- Sau khi đăng ký thành công, học sinh được ban tổ chức gửi email chi tiết để phản hồi về kết quả đăng ký, kế hoạch học tập và các thông báo khác.

II. ĐIỀU KIỆN HỌC VÀ QUYỀN LỢI CỦA HỌC SINH

1. Điều kiện học

Học sinh tham gia học cần đáp ứng các điều kiện sau:

- Đăng ký đầy đủ thông tin đúng thời hạn theo thông báo.
- Tuân thủ các quy định về học tập, kiểm tra, đánh giá trong thời gian học.

2. Quyền lợi

– Học sinh học và thi đạt được cấp chứng nhận của Trường. Chứng nhận này với điểm đạt từ 8,0 trở lên sẽ được dùng để miễn môn học Nhập môn lập trình khi học sinh trở thành sinh viên chính thức của Trường trong kỳ tuyển sinh năm 2025 và 2026.

III. HỌC PHÍ, LỆ PHÍ THI VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Trường miễn học phí cho tất cả các học sinh đăng ký học.
- Lệ phí thi và cấp chứng nhận là 250.000 đ/học sinh. Trong quá trình học tập, 100 học sinh có kết quả học tập tốt nhất sẽ được miễn lệ phí thi và cấp chứng nhận. Danh sách học sinh được miễn lệ phí sẽ được Trường thông báo 5 ngày trước ngày thi.
- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản
- Thời hạn đóng lệ phí: 04/8/2025 đến 10/8/2025.
- + Tên tài khoản: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
- + Số tài khoản: 25083649
- + Tại ngân hàng: TMCP Á Châu (ACB) - Chi nhánh Sài Gòn
- + Nội dung chuyển khoản theo cú pháp <Họ tên học sinh> – <Số điện thoại> – LOP NMLTTHPT2025. Ví dụ: NGUYỄN VĂN A – 1234567890 – LOP NMLTTHPT2025
- Thông tin và phương thức hoàn trả lệ phí đối với 100 học sinh có kết quả học tập tốt nhất sẽ được thông báo vào ngày 12/8/2025.

IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ

Phòng Đào tạo Đại học (phòng A.120 tòa nhà A), khu phố 6, P. Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh. Điện thoại: (028) 372 52002 – số nội bộ 112 (gặp Cô Nguyễn Thị Tố Uyên). Hotline: 0908831246. Email: phongdaotaodh@uit.edu.vn.

Trường Đại học Công nghệ Thông tin rất mong các em học sinh đăng ký và tham gia vào khóa học nói trên.

Trân trọng cảm ơn!

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Lưu Thùy Ngân

**DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG THPT THUỘC DIỆN ƯU TIÊN XÉT TUYỂN THEO
QUY ĐỊNH CỦA ĐHQG-HCM
NĂM 2025**

1. Danh sách 83 trường trung học phổ thông chuyên, năng khiếu

TT	Mã tỉnh/ TP	Tên tỉnh/ TP	Mã trường	Tên trường
1.1. Trường trung học phổ thông (THPT) chuyên, năng khiếu trực thuộc đại học				
1	01	Hà Nội	009	THPT chuyên Đại học Sư phạm Hà Nội
2	01	Hà Nội	011	THPT chuyên Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQG-HN)
3	01	Hà Nội	013	THPT chuyên Ngoại ngữ, ĐHQG-HN
4	02	TP. Hồ Chí Minh	019	Phổ thông Năng khiếu, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
5	02	TP. Hồ Chí Minh	020	Trung học thực hành, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
6	29	Nghệ An	007	THPT chuyên Đại học Vinh
7	33	Thừa Thiên - Huế	010	THPT chuyên Khoa học Huế, Đại học Khoa học, Đại học Huế
8	49	Long An	072	THPT Năng khiếu, Đại học Tân Tạo
1.2. Trường THPT chuyên, năng khiếu của tỉnh/thành phố (TP)				
9	01	Hà Nội	010	THPT chuyên Hà Nội - Amsterdam
10	01	Hà Nội	012	THPT chuyên Nguyễn Huệ
11	01	Hà Nội	008	THPT Chu Văn An
12	01	Hà Nội	079	THPT Sơn Tây
13	02	TP. Hồ Chí Minh	016	THPT chuyên Lê Hồng Phong
14	02	TP. Hồ Chí Minh	004	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa
15	02	TP. Hồ Chí Minh	055	THPT Nguyễn Thượng Hiền
16	02	TP. Hồ Chí Minh	066	THPT Gia Định
17	03	Hải Phòng	013	THPT chuyên Trần Phú
18	04	Đà Nẵng	005	THPT chuyên Lê Quý Đôn
19	05	Hà Giang	012	THPT chuyên Hà Giang
20	06	Cao Bằng	004	THPT chuyên Cao Bằng
21	07	Lai Châu	001	THPT chuyên Lê Quý Đôn
22	08	Lào Cai	018	THPT chuyên tỉnh Lào Cai
23	09	Tuyên Quang	009	THPT chuyên tỉnh Tuyên Quang
24	10	Lạng Sơn	002	THPT chuyên Chu Văn An
25	11	Bắc Kạn	019	THPT chuyên Bắc Kạn
26	12	Thái Nguyên	010	THPT chuyên Thái Nguyên

TT	Mã tỉnh/ TP	Tên tỉnh/ TP	Mã trường	Tên trường
27	13	Yên Bái	001	THPT chuyên Nguyễn Tất Thành
28	14	Sơn La	004	THPT chuyên Sơn La
29	15	Phú Thọ	001	THPT chuyên Hùng Vương
30	16	Vĩnh Phúc	012	THPT chuyên Vĩnh Phúc
31	17	Quảng Ninh	001	THPT chuyên Hạ Long
32	18	Bắc Giang	012	THPT chuyên Bắc Giang
33	19	Bắc Ninh	009	THPT chuyên Bắc Ninh
34	21	Hải Dương	013	THPT chuyên Nguyễn Trãi
35	22	Hưng Yên	011	THPT chuyên Hưng Yên
36	23	Hòa Bình	012	THPT chuyên Hoàng Văn Thụ
37	24	Hà Nam	011	THPT chuyên Biên Hòa
38	25	Nam Định	002	THPT chuyên Lê Hồng Phong
39	26	Thái Bình	002	THPT chuyên Thái Bình
40	27	Ninh Bình	011	THPT chuyên Lương Văn Tụy
41	28	Thanh Hóa	010	THPT chuyên Lam Sơn
42	29	Nghệ An	006	THPT chuyên Phan Bội Châu
43	30	Hà Tĩnh	040	THPT chuyên Hà Tĩnh
44	31	Quảng Bình	004	THPT chuyên Võ Nguyên Giáp
45	32	Quảng Trị	024	THPT chuyên Lê Quý Đôn
46	33	Thừa Thiên - Huế	001	THPT chuyên Quốc Học
47	34	Quảng Nam	007	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
48	34	Quảng Nam	010	THPT chuyên Lê Thánh Tông
49	35	Quảng Ngãi	013	THPT chuyên Lê Khiết
50	36	Kon Tum	003	THPT chuyên Nguyễn Tất Thành
51	37	Bình Định	003	THPT chuyên Lê Quý Đôn
52	37	Bình Định	091	THPT chuyên Chu Văn An
53	38	Gia Lai	005	THPT chuyên Hùng Vương
54	39	Phú Yên	005	THPT chuyên Lương Văn Chánh
55	40	Đắk Lắk	024	THPT chuyên Nguyễn Du
56	41	Khánh Hòa	017	THPT chuyên Lê Quý Đôn
57	42	Lâm Đồng	008	THPT chuyên Thăng Long - Đà Lạt
58	42	Lâm Đồng	093	THPT chuyên Bảo Lộc
59	43	Bình Phước	003	THPT chuyên Quang Trung

TT	Mã tỉnh/ TP	Tên tỉnh/ TP	Mã trường	Tên trường
60	43	Bình Phước	042	THPT chuyên Bình Long
61	44	Bình Dương	002	THPT chuyên Hùng Vương
62	45	Ninh Thuận	017	THPT chuyên Lê Quý Đôn
63	46	Tây Ninh	003	THPT chuyên Hoàng Lê Kha
64	47	Bình Thuận	013	THPT chuyên Trần Hưng Đạo
65	48	Đồng Nai	001	THPT chuyên Lương Thế Vinh
66	49	Long An	060	THPT chuyên Long An
67	50	Đồng Tháp	023	THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu
68	50	Đồng Tháp	016	THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu
69	51	An Giang	002	THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu
70	51	An Giang	008	THPT chuyên Thủ Khoa Nghĩa
71	52	Bà Rịa - Vũng Tàu	004	THPT chuyên Lê Quý Đôn
72	53	Tiền Giang	016	THPT chuyên Tiền Giang
73	54	Kiên Giang	002	THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt
74	55	Cần Thơ	013	THPT chuyên Lý Tự Trọng
75	56	Bến Tre	030	THPT chuyên Bến Tre
76	57	Vĩnh Long	015	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm
77	58	Trà Vinh	012	THPT chuyên Nguyễn Thiện Thành
78	59	Sóc Trăng	003	THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai
79	60	Bạc Liêu	009	THPT chuyên Bạc Liêu
80	61	Cà Mau	016	THPT chuyên Phan Ngọc Hiển
81	62	Điện Biên	002	THPT chuyên Lê Quý Đôn
82	63	Đắk Nông	037	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh
83	64	Hậu Giang	039	THPT chuyên Vị Thanh

2. Danh sách 66 trường THPT (theo tiêu chí của ĐHQG-HCM)

TT	Mã tỉnh/ TP	Tên tỉnh/ TP	Mã trường	Tên trường
1	02	TP. Hồ Chí Minh	001	THPT Trung Vương
2	02	TP. Hồ Chí Minh	002	THPT Bùi Thị Xuân
3	02	TP. Hồ Chí Minh	009	THPT Lê Quý Đôn
4	02	TP. Hồ Chí Minh	010	THPT Nguyễn Thị Minh Khai
5	02	TP. Hồ Chí Minh	011	THPT Marie Curie
6	02	TP. Hồ Chí Minh	018	THPT Trần Khai Nguyên

TT	Mã tỉnh/ TP	Tên tỉnh/ TP	Mã trường	Tên trường
7	02	TP. Hồ Chí Minh	023	THPT Mạc Đĩnh Chi
8	02	TP. Hồ Chí Minh	040	THPT Nguyễn Khuyến
9	02	TP. Hồ Chí Minh	048	THPT Võ Trường Toản
10	02	TP. Hồ Chí Minh	053	THPT Nguyễn Công Trứ
11	02	TP. Hồ Chí Minh	054	THPT Trần Hưng Đạo
12	02	TP. Hồ Chí Minh	060	THPT Trần Phú
13	02	TP. Hồ Chí Minh	061	THPT Tây Thạnh
14	02	TP. Hồ Chí Minh	063	THPT Võ Thị Sáu
15	02	TP. Hồ Chí Minh	065	THPT Hoàng Hoa Thám
16	02	TP. Hồ Chí Minh	068	THPT Phú Nhuận
17	02	TP. Hồ Chí Minh	070	THPT Nguyễn Hữu Huân
18	02	TP. Hồ Chí Minh	072	THPT Thủ Đức
19	02	TP. Hồ Chí Minh	094	THPT Nguyễn Hữu Cầu
20	02	TP. Hồ Chí Minh	245	THCS - THPT Nguyễn Khuyến
21	04	Đà Nẵng	002	THPT Phan Châu Trinh
22	35	Quảng Ngãi	003	THPT Bình Sơn
23	35	Quảng Ngãi	008	THPT Võ Nguyên Giáp
24	35	Quảng Ngãi	011	THPT Trần Quốc Tuấn
25	36	Kon Tum	001	THPT Kon Tum
26	37	Bình Định	001	Quốc Học Quy Nhơn
27	39	Phú Yên	001	THPT Nguyễn Huệ
28	39	Phú Yên	008	THPT Lê Hồng Phong
29	40	Đắk Lắk	059	THPT Thực hành Cao Nguyên
30	41	Khánh Hoà	012	THPT Nguyễn Trãi
31	41	Khánh Hoà	015	THPT Lý Tự Trọng
32	42	Lâm Đồng	002	THPT Trần Phú
33	42	Lâm Đồng	003	THPT Bùi Thị Xuân
34	42	Lâm Đồng	018	THPT Đức Trọng
35	42	Lâm Đồng	026	THPT Bảo Lộc
36	43	Bình Phước	005	THPT Hùng Vương
37	44	Bình Dương	045	THCS và THPT Nguyễn Khuyến
38	44	Bình Dương	079	THPT Dĩ An
39	46	Tây Ninh	005	THPT Tây Ninh

TT	Mã tỉnh/ TP	Tên tỉnh/ TP	Mã trường	Tên trường
40	47	Bình Thuận	001	THPT Phan Bội Châu
41	48	Đồng Nai	003	THPT Ngô Quyền
42	48	Đồng Nai	006	THPT Nguyễn Trãi
43	48	Đồng Nai	007	THPT Lê Hồng Phong
44	48	Đồng Nai	011	THPT Thống Nhất A
45	48	Đồng Nai	405	THPT Long Khánh
46	48	Đồng Nai	021	THPT Xuân Lộc
47	48	Đồng Nai	023	THPT Long Thành
48	48	Đồng Nai	053	THPT Trần Biên
49	49	Long An	002	THPT Tân An
50	49	Long An	006	THPT Nguyễn Hữu Thọ
51	50	Đồng Tháp	009	THPT Lấp Vò I
52	51	An Giang	001	THPT Long Xuyên
53	51	An Giang	016	THPT Chu Văn An
54	51	An Giang	030	THPT Nguyễn Hữu Cánh
55	51	An Giang	031	THPT Châu Văn Liêm
56	51	An Giang	037	THPT Nguyễn Bình Khiêm
57	52	Bà Rịa - Vũng Tàu	001	THPT Vũng Tàu
58	53	Tiền Giang	001	THPT Cái Bè
59	53	Tiền Giang	006	THPT Đốc Binh Kiều
60	53	Tiền Giang	015	THPT Nguyễn Đình Chiểu
61	53	Tiền Giang	019	THPT Chợ Gạo
62	53	Tiền Giang	022	THPT Vĩnh Bình
63	53	Tiền Giang	025	THPT Trương Định
64	56	Bến Tre	002	THPT Nguyễn Đình Chiểu
65	56	Bến Tre	020	THPT Phan Thanh Giản
66	57	Vĩnh Long	001	THPT Lưu Văn Liệt